

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN 2023 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2023 đã kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – SÔNG LAM

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối I, Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An
- Mã chứng khoán: BSL
- Điện thoại: 02388.662.662 Fax: 02388. 662.664
- Email: sasobeco@sasobeco.com.vn
- Website: https://sasobeco.com.vn/

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2023 đã được kiểm toán theo quy định tại khoản 3 Điều 14 thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:
 - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):
Có ☐ Không ☒
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
Có ☐ Không ☒
 - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):
Có ☐ Không ☒



Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☒

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có ☒

Không ☐

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có ☐

Không ☒

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☒

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2023 tại đường dẫn: <https://sasobeco.com.vn/>

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm

- BCTC bán niên năm 2023 được kiểm toán;
- Công văn giải trình lợi nhuận.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**

BI
SÀI GÒN - SÔNG LAM
H. HUNG NGUYEN-T. NGHE AN

Nguyễn Hồng Anh



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 271110000018 ngày 7 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân Dân tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận 2703001077 ngày 20 tháng 12 năm 2006
Đăng ký Doanh nghiệp số 2900783332 ngày 9 tháng 9 năm 2022

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900783332 ngày 9 tháng 9 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Neo Gim Siong Bennett	Chủ tịch
	Ông Văn Thanh Liêm	Thành viên
	Ông Cao Thanh Bích	Thành viên
	Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên
	Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa	Thành viên
	Ông Lê Xuân Sơn	Thành viên

(từ ngày 12 tháng 4 năm 2023)
(đến ngày 11 tháng 4 năm 2023)

Ban Kiểm soát	Bà Hoàng Thanh Vân	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên
	Bà Lưu Thanh Thảo	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Trần Quang Trung	Giám đốc
	Ông Nguyễn Hồng Anh	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký
Khối 1, Xã Hưng Đạo
Huyện Hưng Nguyên
Tỉnh Nghệ An
Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Trần Quang Trung
Giám đốc

Tỉnh Nghệ An, ngày 11 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-04-00006-23-1



Phạm Thị Hoàng Anh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3434-2022-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Chang Hung Chun

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0863-2023-007-1



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		340.740.330.106	276.187.913.856
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	56.730.484.891	12.088.325.307
Tiền	111		8.730.484.891	12.088.325.307
Các khoản tương đương tiền	112		48.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		192.655.739.726	170.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	192.655.739.726	170.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.294.970.106	21.823.109.067
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	20.634.135.045	18.590.371.409
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		309.341.560	494.483.984
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	4.351.493.501	2.738.253.674
Hàng tồn kho	140	12(a)	65.734.775.697	71.295.102.101
Hàng tồn kho	141		68.054.412.237	73.890.581.525
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.319.636.540)	(2.595.479.424)
Tài sản ngắn hạn khác	150		324.359.686	981.377.381
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		324.359.686	194.497.587
Thuê phải thu Nhà Nước	153		-	786.879.794

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		304.744.145.579	342.271.108.044
Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000	30.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000	30.000.000
Tài sản cố định	220		296.184.185.933	334.804.812.602
Tài sản cố định hữu hình	221	13	296.159.281.458	334.744.528.125
Nguyên giá	222		1.292.871.506.950	1.292.457.074.877
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(996.712.225.492)	(957.712.546.752)
Tài sản cố định vô hình	227	14	24.904.475	60.284.477
Nguyên giá	228		303.930.000	303.930.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(279.025.525)	(243.645.523)
Tài sản dở dang dài hạn	240		608.539.091	608.539.091
Xây dựng cơ bản dở dang	242		608.539.091	608.539.091
Tài sản dài hạn khác	260		7.921.420.555	6.827.756.351
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	283.861.991	438.264.601
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.994.777.287	2.097.593.536
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	12(b)	5.642.781.277	4.291.898.214
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		645.484.475.685	618.459.021.900

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		162.146.655.211	130.864.353.223
Nợ ngắn hạn	310		161.474.655.211	130.372.353.223
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	19.777.900.078	13.056.304.277
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	111.386.470.281	82.433.183.476
Phải trả người lao động	314		5.355.178.965	3.019.163.701
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	9.158.809.543	7.258.976.376
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	4.113.575.520	21.086.703.133
Vay ngắn hạn	320	20	10.000.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	1.682.720.824	3.518.022.260
Nợ dài hạn	330		672.000.000	492.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		500.000.000	320.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		172.000.000	172.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		483.337.820.474	487.594.668.677
Vốn chủ sở hữu	410	22	483.337.820.474	487.594.668.677
Vốn cổ phần	411	23	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	6.516.196.015	6.516.196.015
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.821.624.459	31.078.472.662
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.728.844.825	12.340.122.372
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		10.092.779.634	18.738.350.290
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		645.484.475.685	618.459.021.900

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

Người lập:


Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Trần Quang Trung
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng	01	27	352.535.433.547	427.073.080.356
Giá vốn hàng bán	11	28	333.407.419.661	366.210.044.001
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		19.128.013.886	60.863.036.355
Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.314.242.755	1.323.331.161
Chi phí tài chính	22		313.342.467	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		313.342.467	-
Chi phí bán hàng	25		-	619.365.727
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	10.219.213.190	10.497.682.862
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		14.909.700.984	51.069.318.927
Thu nhập khác	31		6.429.680	338.557.000
Chi phí khác	32		156.119	2.803.925
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.273.561	335.753.075
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		14.915.974.545	51.405.072.002
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	2.880.378.661	10.803.880.556
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	102.816.249	141.033.395
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		11.932.779.635	40.460.158.051
Lãi trên cổ phiếu				(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	224	848

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Trần Quang Trung
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	14.915.974.545	51.405.072.002
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	39.035.058.742	39.232.683.387
Các khoản dự phòng	03	(514.081.240)	(705.166.975)
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(6.314.242.755)	(1.323.331.161)
Chi phí lãi vay	06	313.342.467	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	47.436.051.759	88.609.257.253
Biến động các khoản phải thu	09	(2.185.518.170)	(37.948.808.068)
Biến động hàng tồn kho	10	4.723.524.581	(9.059.202.495)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	38.398.931.954	43.028.192.789
Biến động chi phí trả trước	12	24.540.511	917.740.654
		88.397.530.635	85.547.180.133
Tiền lãi vay đã trả	14	(325.369.864)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(8.714.823.411)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.524.929.274)	(3.082.155.065)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	83.547.231.497	73.750.201.657
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(558.032.073)	(2.010.183.739)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(192.655.739.726)	(80.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	25	170.000.000.000	70.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	5.027.899.886	1.305.286.727
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.185.871.913)	(10.704.897.012)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bĩa Sài Gòn - Sông Lam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**Mẫu B 03a – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	60.000.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(50.000.000.000)	-
Tiền chi trả cổ tức	36	(30.719.200.000)	(31.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.719.200.000)	(31.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	44.642.159.584	63.014.004.645
Tiền đầu kỳ	60	12.088.325.307	77.827.647.594
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8)	70	56.730.484.891	140.841.652.239

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

Người lập:

**Văn Bá Thi**
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

**Trần Quang Trung**
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSL.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 183 nhân viên (1/1/2023: 186 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(j) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi một nhân viên đã làm việc từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình, thì người sử dụng lao động phải trả trợ cấp thôi việc cho nhân viên đủ điều kiện đó tính trên số năm làm việc và mức bồi thường của nhân viên khi thôi việc. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập dựa trên số năm làm việc của người lao động và mức lương bình quân của họ trong thời gian sáu tháng trước khi kết thúc kỳ kế toán. Để xác định số năm làm việc của người lao động, khoảng thời gian mà người lao động đã tham gia và đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành và khoảng thời gian mà Công ty đã chi trả trợ cấp thôi việc sẽ bị loại trừ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là một bên liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động kinh doanh khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Ban lãnh đạo cho rằng các phân khúc này không bị biến động theo mùa đáng kể.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có thay đổi đáng kể nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính được thực hiện trong báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc các ước tính được thực hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Công ty kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm trước mà ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

7. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Trong kỳ, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	247.649.822	508.744.930
Tiền gửi ngân hàng	8.482.835.069	11.579.580.377
Các khoản tương đương tiền (*)	48.000.000.000	-
	56.730.484.891	12.088.325.307

- (*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng, được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,8% đến 5,0% một năm (1/1/2023: không).

9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 6,7% đến 8,3% một năm (1/1/2023: từ 5,6% đến 6,0% một năm).

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	19.872.455.295	18.091.890.776
Các khách hàng khác	761.679.750	498.480.633
	20.634.135.045	18.590.371.409

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là một bên liên quan

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	19.872.455.295	18.091.890.776

Các khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Thu lãi tiền gửi	4.009.728.477	2.723.385.608
Tạm ứng	330.000.000	-
Đặt cọc	5.000.000	5.000.000
Khác	6.765.024	9.868.066
	4.351.493.501	2.738.253.674

12. Hàng tồn kho**(a) Hàng tồn kho**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	24.715.296.721	-	23.748.527.120	-
Công cụ và dụng cụ	5.195.761.212	(2.319.636.540)	5.514.840.350	(2.595.479.424)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.822.803.197	-	26.127.799.460	-
Thành phẩm	13.320.551.107	-	18.499.414.595	-
	68.054.412.237	(2.319.636.540)	73.890.581.525	(2.595.479.424)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.595.479.424	2.331.916.025
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(275.842.884)	(357.850.439)
Số dư cuối kỳ	2.319.636.540	1.974.065.586

(b) Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	13.125.031.179	(7.482.249.902)	12.012.386.472	(7.720.488.258)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.720.488.258	7.207.279.763
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(238.238.356)	(347.316.536)
Số dư cuối kỳ	7.482.249.902	6.859.963.227

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	223.437.662.362	1.048.389.953.268	7.650.541.526	11.276.865.214	1.702.052.507	1.292.457.074.877
Tăng trong kỳ	-	414.432.073	-	-	-	414.432.073
Số dư cuối kỳ	223.437.662.362	1.048.804.385.341	7.650.541.526	11.276.865.214	1.702.052.507	1.292.871.506.950
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	99.952.410.606	838.472.504.898	7.433.719.290	10.210.840.471	1.643.071.487	957.712.546.752
Khấu hao trong kỳ	5.333.210.280	33.276.569.160	43.999.998	326.276.156	19.623.146	38.999.678.740
Số dư cuối kỳ	105.285.620.886	871.749.074.058	7.477.719.288	10.537.116.627	1.662.694.633	996.712.225.492
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	123.485.251.756	209.917.448.370	216.822.236	1.066.024.743	58.981.020	334.744.528.125
Số dư cuối kỳ	118.152.041.476	177.055.311.283	172.822.238	739.748.587	39.357.874	296.159.281.458

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá là 21.420 triệu VND (1/1/2023: 18.280 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	303.930.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	243.645.523
Khấu hao trong kỳ	35.380.002
Số dư cuối kỳ	279.025.525
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	60.284.477
Số dư cuối kỳ	24.904.475

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá là 92 triệu VND (1/1/2023: 92 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	135.053.931	303.210.670	438.264.601
Tăng trong kỳ	-	84.269.091	84.269.091
Phân bổ trong kỳ	(135.053.931)	(103.617.770)	(238.671.701)
Số dư cuối kỳ	-	283.861.991	283.861.991

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ
	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	11.313.051.299	5.277.517.281
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	789.782.510	1.081.141.303
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Xuân Hòa	-	1.562.896.716
Các nhà cung cấp khác	7.675.066.269	5.134.748.977
	19.777.900.078	13.056.304.277

(b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ
	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	11.313.051.299	5.277.517.281
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	881.895.377	411.820.229
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Hà Tĩnh	-	71.982.000
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương	-	42.129.878
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	42.790.000	-

Các khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã cân trừ trong kỳ VND	30/6/2023 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	73.664.234.675	357.016.862.934	(353.584.012.946)	-	77.097.084.663
Thuế giá trị gia tăng	8.729.981.595	70.852.369.041	(21.168.765.165)	(26.517.927.569)	31.895.657.902
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.880.378.661	-	(786.879.794)	2.093.498.867
Thuế thu nhập cá nhân	38.967.206	870.711.862	(857.258.421)	-	52.420.647
Thuế khác	-	327.395.128	(79.586.926)	-	247.808.202
	82.433.183.476	431.947.717.626	(375.689.623.458)	(27.304.807.363)	111.386.470.281

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay (*)	4.244.031.983	4.256.059.380
Chi phí xây dựng (*)	1.934.399.990	1.934.399.990
Chi phí phải trả khác	2.980.377.570	1.068.517.006
	9.158.809.543	7.258.976.376

(*) Các khoản này hiện đang trong quá trình thỏa thuận với bên cho vay/nhà cung cấp và vẫn chưa được quyết toán tại thời điểm cuối kỳ.

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Cổ tức phải trả	3.443.100.000	20.662.300.000
Phải trả ngắn hạn khác	670.475.520	424.403.133
	4.113.575.520	21.086.703.133

20. Vay ngắn hạn

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/06/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	-	60.000.000.000	(50.000.000.000)	10.000.000.000

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 có hạn mức tín dụng là 300.000 triệu đồng và không có đảm bảo. Các khoản vay bằng VND và chịu lãi suất là 7,0% một năm (1/1/2023: không).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.518.022.260	5.725.217.159
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 22)	1.840.000.001	1.853.101.332
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	849.627.837	(2.643.062.094)
Sử dụng trong kỳ	(4.524.929.274)	(3.082.155.065)
Số dư cuối kỳ	1.682.720.824	1.853.101.332

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	450.000.000.000	6.516.196.015	40.928.092.876	497.444.288.891
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	40.460.158.051	40.460.158.051
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	(1.853.101.332)	(1.853.101.332)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2021 (Thuyết minh 21)	-	-	2.643.062.094	2.643.062.094
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(30.207.252)	(30.207.252)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	243.089.142	243.089.142
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	450.000.000.000	6.516.196.015	82.391.093.579	538.907.289.594
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	44.809.405	44.809.405
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(49.500.000.000)	(49.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.853.101.330)	(1.853.101.330)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	25.878.260	25.878.260
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội của năm 2021	-	-	(30.207.252)	(30.207.252)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	450.000.000.000	6.516.196.015	31.078.472.662	487.594.668.677
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	11.932.779.635	11.932.779.635
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	(1.840.000.001)	(1.840.000.001)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2022 (Thuyết minh 21)	-	-	(849.627.837)	(849.627.837)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	450.000.000.000	6.516.196.015	26.821.624.459	483.337.820.474

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 12 tháng 4 năm 2023, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 31.500 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, trong đó, khoản cổ tức với số tiền là 18.000 triệu VND (tương đương 400 VND/cổ phiếu) đã được Hội đồng quản trị của Công ty thông qua ứng trước cho cổ đông vào ngày 21 tháng 11 năm 2022.

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Không có biến động quỹ đầu tư phát triển trong kỳ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	1.239.041.000	1.239.041.000
Từ hai đến năm năm	4.956.164.000	4.956.164.000
Sau năm năm	38.100.510.750	38.720.031.250
	44.295.715.750	44.915.236.250

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Đã duyệt nhưng chưa kí hợp đồng	57.793.870.000	-
Đã duyệt và đã kí hợp đồng	663.932.900	-
	58.457.802.900	-

27. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	349.819.145.599	423.474.163.049
▪ Bán phế liệu	2.716.287.948	3.598.917.307
	352.535.433.547	427.073.080.356

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	333.731.568.474	366.026.859.131
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	(514.081.240)	(705.166.975)
▪ Giá vốn khác	189.932.427	888.351.845
	333.407.419.661	366.210.044.001

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.778.101.053	4.430.722.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.494.781.944	1.779.407.925
Thuê, phí và lệ phí	3.000.000	659.691.709
Chi phí khấu hao	456.531.503	487.356.440
Chi phí quản lý khác	2.486.798.690	3.140.503.882
	10.219.213.190	10.497.682.862

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	257.865.728.126	296.320.420.690
Chi phí khấu hao và phân bổ	39.035.058.742	39.232.683.387
Chi phí nhân công và nhân viên	18.761.228.974	16.433.868.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.435.730.277	20.485.113.173
Chi phí khác	3.045.026.981	4.855.007.006

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	2.880.378.661	10.139.981.005
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	663.899.551
	2.880.378.661	10.803.880.556
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	102.816.249	141.033.395
	2.983.194.910	10.944.913.951

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.915.974.545	51.405.072.002
	2.983.194.909	10.281.014.400
Thuế tính theo thuế suất của Công ty		
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	663.899.551
	2.983.194.909	10.944.913.951

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho Công ty chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
		(Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	11.932.779.635	40.460.158.051
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.840.000.001)	(1.853.101.332)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	(424.813.919)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	10.092.779.634	38.182.242.800

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(**) Số trích vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được trình bày lại trên cơ sở số trích lập thực tế đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được điều chỉnh lại là 848 VND/cổ phiếu dựa trên số điều chỉnh đã trích lập vào quỹ khen thưởng phúc lợi (như đã báo cáo trước đây: 858 VND/cổ phiếu).

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	706.836.008.533	888.050.328.660
Bán nguyên vật liệu	226.478.513	-
Cung cấp dịch vụ	74.478.021	74.149.845
Mua nguyên vật liệu	233.607.391.622	275.635.130.249
Cổ tức công bố	9.285.000.000	-
Cổ tức đã trả	21.665.000.000	-
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Phí sử dụng vỏ chai, kết	1.970.884.145	343.082.570
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua nguyên vật liệu	178.250.000	395.250.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Mua hàng hóa	811.718.400	294.347.170
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	165.000.000	-
Mua công cụ, dụng cụ	-	76.300.000
Mua phần mềm máy vi tính	-	140.330.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	32.364.000	118.600.000
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	-	115.899.053
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh		
Bán phế liệu	-	19.600.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Bán phế liệu	-	34.300.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi		
Mua nguyên vật liệu	74.100.000	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	503.036.666	443.730.916
Những người quản lý khác		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	600.874.144	1.022.717.223
Hội đồng quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Neo Gim Siong Bennett – Chủ tịch	64.999.977	65.000.004
Ông Lê Xuân Sơn – Thành viên	31.091.682	15.166.666
Ông Nguyễn Hồng Anh – Thành viên	45.500.010	45.499.998
Ông Văn Thanh Liêm – Thành viên	45.500.010	45.499.998
Ông Cao Thanh Bích – Thành viên	45.500.010	45.499.998
Ông Võ Hải Thanh – Thành viên	-	30.333.332
Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa – Thành viên	14.408.337	-
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Hoàng Thanh Vân – Trưởng ban	45.500.010	45.499.998
Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thành viên	25.999.977	26.000.004
Bà Lưu Thanh Thảo – Thành viên	25.999.977	26.000.004

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	31.400.000	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính năm của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trần Quang Trung
Giám đốc